



WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY

TÂN HÒA

"NƯỚC SẠCH CHO MỌI NHÀ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 0724 /TH-TCHC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2020

V/v Thực hiện công bố thông tin
báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

- Trụ sở chính: 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 38 558 563 Fax: (08) 39 557 977

2. Người thực hiện công bố thông tin: **Trần Thị Cẩm Vân - Giám đốc.**

- Địa chỉ: 207 đường số 8, phường 4, Quận 8, TP.HCM

3. Loại thông tin công bố:

- 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

4. Nội dung thông tin công bố:

Thực hiện thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (Công ty) công bố thông tin về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 (đã kiểm toán)

5. Địa chỉ đăng tải: thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 21/02/2020 tại đường dẫn: www.capnuoctanhoa.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP.HCM, Ngày 21 tháng 02 năm 2020

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Cẩm Vân

Báo cáo Tài chính

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
(Đã được kiểm toán)



Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10-27

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 11 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Anh Tài	Chủ tịch	
Ông Lý Bửu Nghĩa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/04/2019
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên	
Bà Trâm Thị Cẩm Vân	Thành viên	
Ông Lê Minh Châu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/04/2019

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trâm Thị Cẩm Vân	Giám đốc
Ông Trần Công Lễ	Phó Giám đốc
Ông Trương Tấn Quốc	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vũ Khánh Trùng Dương	Trưởng Ban kiểm soát	
Bà Phạm Thị Vân An	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/09/2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30/07/2019
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/11/2019
Bà Trần Thị Châu Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/11/2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ▶ Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- ▶ Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Trần Thị Cẩm Vân
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2020

Số: 210220.001/BCTC.FIS1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa ("Công ty"), được lập ngày 10/02/2019, trình bày từ trang 06 đến 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, cũng như tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh 27 về diện tích đất Công ty đang sử dụng tại 95 Phạm Hữu Chí, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh làm văn phòng giao dịch khách hàng là diện tích đất do UBND thành phố Hồ Chí Minh giao cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (“Tổng Công ty”) quản lý. Hiện tại, Tổng Công ty và Công ty chưa thống nhất phương án cho thuê lại diện tích đất này và cơ sở hạ tầng trên đất.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

**Công ty TNHH
Hàng kiểm toán AASC**



Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2018-002-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2020

Đinh Quang Trung

Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3681-2017-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		86.377.845.192	86.162.741.967
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	8.925.086.547	3.546.075.330
111	1. Tiền		898.872.847	3.546.075.330
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.026.213.700	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	24.000.000.000	23.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		24.000.000.000	23.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		39.090.089.801	47.436.162.746
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	35.134.957.629	43.451.337.403
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	533.922.000	969.333.700
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.421.210.172	3.015.491.643
140	IV. Hàng tồn kho		13.649.385.342	12.158.526.468
141	1. Hàng tồn kho	8	13.649.385.342	12.158.526.468
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		713.283.502	21.977.423
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	549.504.000	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	163.779.502	21.977.423
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.961.061.539	3.446.740.568
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		40.000.000	80.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	40.000.000	80.000.000
220	II. Tài sản cố định		6.388.620.475	2.957.812.568
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	3.055.102.614	2.469.432.013
222	- Nguyên giá		15.693.852.260	14.642.607.260
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.638.749.646)	(12.173.175.247)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	3.333.517.861	488.380.555
228	- Nguyên giá		4.538.124.000	1.741.999.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.204.606.139)	(1.253.618.445)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		532.441.064	408.928.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	465.757.568	342.244.504
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	8	66.683.496	66.683.496
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		93.338.906.731	89.609.482.535

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2018
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		38.250.401.319	35.106.527.254
310	I. Nợ ngắn hạn		38.250.401.319	34.981.358.854
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	19.034.192.262	19.400.921.651
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.104.185.150	836.537.860
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.290.896.460	4.041.371.577
314	4. Phải trả người lao động	15	14.135.360.302	9.547.191.568
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	375.482.744	297.223.851
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		310.284.401	858.112.347
330	II. Nợ dài hạn		-	125.168.400
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	-	125.168.400
400	B. NGUỒN VỐN		55.088.505.412	54.502.955.281
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	55.088.505.412	54.502.955.281
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		93.553.000	93.553.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(27.200.000)	(27.200.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		710.299.076	548.051.832
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.311.853.336	3.888.550.449
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	(111.560.249)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		4.311.853.336	4.000.110.698
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		93.338.906.731	89.609.482.535



Trần Thị Cẩm Vân
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Xuân Trang
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	18	124.736.568.904	129.275.223.937
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ		124.736.568.904	129.275.223.937
11	4. Giá vốn cung cấp dịch vụ	19	96.505.178.144	106.472.183.597
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		28.231.390.760	22.803.040.340
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		1.934.201.341	1.449.468.511
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	24.701.161.596	19.710.892.627
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.464.430.505	4.541.616.224
31	10. Thu nhập khác	21	705.234.387	768.744.116
32	11. Chi phí khác	22	456.507.850	116.792.829
40	12. Lợi nhuận khác		248.726.537	651.951.287
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.713.157.042	5.193.567.511
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	1.401.303.706	1.193.456.813
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.311.853.336	4.000.110.698
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	608	532



Trần Thị Cẩm Vân
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Xuân Trang
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.713.157.042	5.193.567.511
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		1.820.932.093	1.515.816.785
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(2.065.337.703)	(1.711.741.238)
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.468.751.432	4.997.643.058
09	Giảm các khoản phải thu		7.991.481.565	120.679.838.991
10	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		(1.490.858.874)	2.123.969.254
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		6.336.332.021	(122.683.983.945)
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước		(673.017.064)	3.105.325.150
15	Thuế TNDN đã nộp		(1.603.636.216)	(1.217.077.327)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.775.131.151)	(2.509.088.354)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		14.253.921.713	4.496.626.827
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(7.685.440.000)	(1.285.205.000)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		131.136.362	262.272.727
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(79.114.197.300)	(48.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		78.114.197.300	38.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.186.990.642	982.938.220
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(6.367.312.996)	(10.039.994.053)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.507.597.500)	(2.489.690.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.507.597.500)	(2.489.690.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.379.011.217	(8.033.057.226)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.546.075.330	11.579.132.556
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	8.925.086.547	3.546.075.330



Trần Thị Cẩm Vân
Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Xuân Trang
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2019

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa, theo Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 07 năm 2014 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 11 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 5 ngày 04/06/2015 là 50 tỷ VND, tương đương 5 triệu cổ phần. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng dịch vụ phân phối, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất; dịch vụ giảm thất thoát nước; tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp; xây dựng cấp nước, thiết kế xây dựng công trình cấp nước dân dụng và công nghiệp; lập dự án, thẩm tra thiết kế các công trình cấp nước dân dụng và công nghiệp; tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài

chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị ghi nhận sau ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng nội dung dịch vụ chưa hoàn thành hoặc chưa được khách hàng nghiệm thu thanh toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
▶ Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
▶ Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
▶ Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
▶ Phần mềm máy tính	03 - 08 năm

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê.

Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; và
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành. Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân HòaSố 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt NamBáo cáo tài chính
năm kết thúc ngày 31/12/2019

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.16 Thông tin bộ phận

Lĩnh vực hoạt động của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	12.671.486	21.975.474
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	886.201.361	3.524.099.856
Các khoản tương đương tiền (*)	8.026.213.700	-
	8.925.086.547	3.546.075.330

(*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất từ 5,0% - 5,2%/năm.

4. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Số dư tại 31/12/2019 là các khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng được gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất từ 5,0% - 7,5%/năm.

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan - Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV (Thuyết minh 29)	34.957.978.762	-	43.192.397.092	-
Bên thứ ba	176.978.867	-	258.940.311	-
	35.134.957.629	-	43.451.337.403	-

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH TM DV XD Hương Quỳnh Châu	-	185.582.800
Công ty TNHH TV ĐT XD Tân Phước Long	59.415.000	59.415.000
Công ty TNHH XD Đo Đạc Thương Mại Nghi Phát	-	491.781.500
Công ty TNHH Thương Mại - Phần Mềm Tri Thức	155.720.000	-
Công ty TNHH TM-ĐT-XD Hưng An	318.787.000	232.554.400
	533.922.000	969.333.700

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân HòaSố 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt NamBáo cáo tài chính
năm kết thúc ngày 31/12/2019**7. Phải thu khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
VAT đầu vào chưa kê khai	2.395.563.907	-	1.663.390.552	-
Phải thu thuế TNCN	34.859.943	-	13.659.002	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	837.829.877	-	1.090.619.178	-
Tạm ứng	97.417.599	-	236.822.911	-
Khác	55.538.846	-	11.000.000	-
	3.421.210.172	-	3.015.491.643	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	40.000.000	-	80.000.000	-
	40.000.000	-	80.000.000	-

8. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng tồn kho				
Nguyên liệu vật liệu	12.110.509.746	-	11.535.035.272	-
Công cụ, dụng cụ	41.187.938	-	58.318.692	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.497.687.658	-	565.172.504	-
	13.649.385.342	-	12.158.526.468	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn (*)	66.683.496	-	66.683.496	-

(*) Thiết bị vật tư dùng để dự phòng sửa chữa hệ thống cấp nước trên địa bàn Công ty quản lý.

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân HòaSố 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt NamBáo cáo tài chính
năm kết thúc ngày 31/12/2019**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2019	612.250.160	4.198.644.170	7.500.375.410	2.331.337.520	14.642.607.260
Mua trong năm	-	30.280.000	-	1.858.335.000	1.888.615.000
Thanh lý, nhượng bán (*)	-	(321.660.000)	(345.000.000)	(170.710.000)	(837.370.000)
Tại ngày 31/12/2019	612.250.160	3.907.264.170	7.155.375.410	4.018.962.520	15.693.852.260
Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2019	590.336.351	3.498.610.418	6.414.269.924	1.669.958.554	12.173.175.247
Khấu hao trong năm	21.913.809	416.169.306	478.437.528	386.423.756	1.302.944.399
Thanh lý, nhượng bán	-	(321.660.000)	(345.000.000)	(170.710.000)	(837.370.000)
Tại ngày 31/12/2019	612.250.160	3.593.119.724	6.547.707.452	1.885.672.310	12.638.749.646
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2019	21.913.809	700.033.752	1.086.105.486	661.378.966	2.469.432.013
Tại ngày 31/12/2019	-	314.144.446	607.667.958	2.133.290.210	3.055.102.614

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 8.634.205.598 VND.

(*) Trong năm, Công ty thực hiện thanh lý Tài sản cố định hữu hình bao gồm: xe tải, máy bơm, máy dò tìm ổ khóa, máy photo, với tổng nguyên giá 837.370.000 VND, giá trị còn lại 0 VND, giá trị thanh lý 131.136.362 VND.

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2019	1.741.999.000	1.741.999.000
Mua trong năm (i)	3.363.125.000	3.363.125.000
Thanh lý (ii)	(567.000.000)	(567.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	4.538.124.000	4.538.124.000
Hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2019	1.253.618.445	1.253.618.445
Khấu hao trong năm	517.987.694	517.987.694
Thanh lý (ii)	(567.000.000)	(567.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	1.204.606.139	1.204.606.139
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2019	488.380.555	488.380.555
Tại ngày 31/12/2019	3.333.517.861	3.333.517.861

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 691.499.000 VND.

(i) Mua sắm các phần mềm khảo sát tính lượng, tổng đài VOIP, website chăm sóc khách hàng phục vụ kết nối GIS, chăm sóc khách hàng CRM, phần mềm kế toán,..

(ii) Thanh lý phần mềm kế toán Bravo và phần mềm giải trách hóa đơn, với tổng nguyên giá 567.000.000 VND, giá trị còn lại 0 VND, giá trị thanh lý 0 VND.

11. Chi phí trả trước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm sức khỏe	549.504.000	-
	549.504.000	-
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn phân bổ	17.250.868	44.169.959
Phần mềm máy tính	443.339.774	298.074.545
Khác	5.166.926	-
	465.757.568	342.244.504

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân HòaSố 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt NamBáo cáo tài chính
năm kết thúc ngày 31/12/2019**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Chi tiết theo số dư lớn				
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	13.241.535.600	13.241.535.600	11.595.197.500	11.595.197.500
Công ty TNHH TM DV XD Hương Quỳnh Châu	2.538.766.313	2.538.766.313	2.727.104.051	2.727.104.051
Công ty TNHH MTV Phát Triển và Vươn Xa	-	-	2.433.700.000	2.433.700.000
Khác	3.253.890.349	3.253.890.349	2.644.920.100	2.644.920.100
	19.034.192.262	19.034.192.262	19.400.921.651	19.400.921.651
Trong đó, phải trả bên liên quan (Thuyết minh 29)	13.241.535.600	13.241.535.600	11.595.197.500	11.595.197.500

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019		Năm 2019		31/12/2019	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.112.555.273	8.436.503.664	8.029.261.817	-	2.705.313.426
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	787.915.544	1.603.636.216	1.401.303.706	-	585.583.034
Thuế thu nhập cá nhân	21.977.423	-	616.119.216	474.317.137	163.779.502	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	140.900.760	401.738.760	260.838.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.500.000	3.500.000	-	-
	21.977.423	4.041.371.577	11.061.497.856	10.169.220.660	163.779.502	3.290.896.460

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Khách hàng lắp đặt, di dời, bồi thường ĐHN	21.112.150	97.968.860
Khách hàng xử lý giao cắt, sửa chữa nâng cấp các tuyến ống	1.063.804.000	727.391.000
Khách hàng thực hiện dịch vụ khác	19.269.000	11.178.000
	1.104.185.150	836.537.860

15. Phải trả người lao động

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả người lao động	12.982.508.152	9.248.258.786
Phải trả cán bộ quản lý	1.152.852.150	298.932.782
	14.135.360.302	9.547.191.568

Trong đó, quỹ tiền lương phê duyệt được hạch toán vào giá thành năm 2019, sau khi điều chỉnh giảm quỹ lương người lao động 166.531.636 VND cho quỹ lương phê duyệt năm 2018, theo nghị quyết số 496/TCT-HĐTV ngày 02/04/2019, như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Quỹ lương người lao động	49.383.578.924	47.514.531.636
Quỹ lương cán bộ quản lý	3.254.400.000	2.004.085.157
	52.637.978.924	49.518.616.793

16. Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Cổ tức (Thuyết minh 17a)	4.227.500	12.825.000
Kinh phí Đảng, Công đoàn	12.448.099	10.797.556
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	11.383.000	11.383.000
Phải trả thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	267.935.620	84.659.696
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	155.000.000
Khác	79.488.525	22.558.599
	375.482.744	297.223.851
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	125.168.400
	-	125.168.400

Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính
năm kết thúc ngày 31/12/2019

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2018	50.000.000.000	93.553.000	385.804.588	(27.200.000)	3.905.619.594	54.357.777.182
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	4.000.110.698	4.000.110.698
Phân phối lợi nhuận	-	-	162.247.244	-	(4.017.179.843)	(3.854.932.599)
Tại ngày 31/12/2018	50.000.000.000	93.553.000	548.051.832	(27.200.000)	3.888.550.449	54.502.955.281
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	4.311.853.336	4.311.853.336
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	162.247.244	-	(3.888.550.449)	(3.726.303.205)
Tại ngày 31/12/2019	50.000.000.000	93.553.000	710.299.076	(27.200.000)	4.311.853.336	55.088.505.412

(*) Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt chính thức việc phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết số 019/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2019:

	Số tiền VND	Tỷ lệ %
Lợi nhuận sau thuế năm 2018	3.888.550.449	100%
Trích Quỹ đầu tư phát triển	162.247.244	4%
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	223.531.942	6%
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.003.771.263	26%
Chi trả cổ tức theo tỷ lệ 5% vốn điều lệ (Tương ứng mỗi cổ phiếu nhận 500 VND)	2.499.000.000	64%
	3.888.550.449	100%

b) Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	31/12/2019		31/12/2018	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	32.500.000.000	65%	32.500.000.000	65%
Các cổ đông khác	17.500.000.000	35%	17.500.000.000	35%
	50.000.000.000	100%	50.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	12.825.000	3.515.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	2.499.000.000	2.499.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	2.499.000.000	2.499.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	2.507.597.500	2.489.690.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	2.507.597.500	2.489.690.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	4.227.500	12.825.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu cổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.000)	(2.000)
- <i>Cổ phiếu cổ thông</i>	(2.000)	(2.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.998.000	4.998.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.998.000	4.998.000

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ khen thưởng công nhân viên	97.558.765	125.150.259
Quỹ phúc lợi	212.725.636	732.962.088
	310.284.401	858.112.347

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường	6.651.737.629	7.383.849.578
Dịch vụ phân phối nước sạch	84.432.226.579	75.950.657.764
Dịch vụ giảm thất thoát nước	8.337.911.945	11.455.405.963
Gắn và thay thế đồng hồ nước	21.738.375.038	27.074.277.713
Doanh thu khác	3.576.317.713	7.411.032.919
	124.736.568.904	129.275.223.937
Trong đó, doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh 29)	114.853.786.494	116.663.636.819

19. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường	5.179.375.126	6.396.001.895
Dịch vụ phân phối nước sạch	57.968.925.797	54.641.487.060
Dịch vụ giảm thất thoát nước	8.337.911.945	11.455.405.963
Gắn và thay thế đồng hồ nước	21.938.730.000	27.104.231.332
Giá vốn khác	3.080.235.276	6.875.057.347
	96.505.178.144	106.472.183.597

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân công	5.705.714.672	4.936.300.909
Thuế phí và lệ phí	264.338.000	3.774.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	533.610.000	508.200.000
Trợ cấp mất việc làm	59.692.500	148.408.750
Chi phí bằng tiền khác	18.137.806.424	14.114.208.968
Trong đó, một số chi phí lớn:		
- Chi phí bảo hiểm nhân thọ cho người lao động	3.481.400.000	4.974.005.800
- Chi phí sửa chữa văn phòng	3.933.355.329	750.998.872
	24.701.161.596	19.710.892.627

21. Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thanh lý tài sản cố định	131.136.362	262.272.727
Cung cấp họa đồ, công trình ngầm	13.437.600	11.697.130
Kiểm định đồng hồ nước	6.353.635	11.099.998
Bán hồ sơ mời thầu	12.727.274	33.636.367
Phí bảo vệ môi trường giữ lại	198.272.794	185.522.818
Khác	343.306.722	264.515.076
	705.234.387	768.744.116
Trong đó, thu nhập với bên liên quan (Thuyết minh 29)	198.272.794	185.522.818

22. Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Kiểm định đồng hồ nước	5.340.000	11.400.000
Bán hồ sơ mời thầu	-	2.100.000
Cấp vật tư bấm chì	155.054.762	23.860.001
Phí bảo vệ môi trường giữ lại	198.626.324	-
Khác	97.486.764	79.432.828
	456.507.850	116.792.829

23. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận trước thuế	5.713.157.042	5.193.567.511
Các khoản điều chỉnh		
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế</i>	1.293.361.487	773.716.554
Thu nhập chịu thuế	7.006.518.529	5.967.284.065
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.401.303.706	1.193.456.813
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	787.915.544	811.536.058
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.603.636.216)	(1.217.077.327)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	585.583.034	787.915.544

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.311.853.336	4.000.110.698
Các khoản điều chỉnh giảm	1.271.249.052	1.338.863.454
- Điều chỉnh lợi nhuận sau thuế lũy kế kỳ trước	-	111.560.249
- Quỹ khen thưởng phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	1.271.249.052	1.227.303.205
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.040.604.284	2.661.247.244
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.998.000	4.998.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	608	532

Năm 2019, Công ty tạm tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu có trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên phương án phân phối lợi nhuận tại Tờ trình phân phối lợi nhuận số 0553/Ttr-TH-KTTC ngày 13/02/2019. Phương án này sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp tới.

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	31.445.244.368	41.053.521.206
Nhân công	59.599.436.326	57.139.749.608
Khấu hao tài sản cố định	1.820.932.093	1.515.816.785
Dịch vụ mua ngoài và khác bằng tiền	29.273.242.107	25.940.359.535
	122.138.854.894	125.649.447.134

26. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.925.086.547	-	3.546.075.330	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.596.167.801	-	46.546.829.046	-
Các khoản cho vay (tiền gửi có kỳ hạn)	24.000.000.000	-	23.000.000.000	-
	71.521.254.348	-	73.092.904.376	-
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác		19.409.675.006		19.823.313.902
		19.409.675.006		19.823.313.902

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty là rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.925.086.547	-	8.925.086.547
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.556.167.801	40.000.000	38.596.167.801
Các khoản cho vay (tiền gửi có kỳ hạn)	24.000.000.000	-	24.000.000.000
	<u>71.481.254.348</u>	<u>40.000.000</u>	<u>71.521.254.348</u>
01/01/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.546.075.330	-	3.546.075.330
Phải thu khách hàng, phải thu khác	46.466.829.046	80.000.000	46.546.829.046
Các khoản cho vay (tiền gửi có kỳ hạn)	23.000.000.000	-	23.000.000.000
	<u>73.012.904.376</u>	<u>80.000.000</u>	<u>73.092.904.376</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty Cổ phần cấp nước Tân HòaSố 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt NamBáo cáo tài chính
năm kết thúc ngày 31/12/2019

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2019			
Phải trả người bán, phải trả khác	19.409.675.006	-	19.409.675.006
	19.409.675.006	-	19.409.675.006
01/01/2019			
Phải trả người bán, phải trả khác	19.698.145.502	125.168.400	19.823.313.902
	19.698.145.502	125.168.400	19.823.313.902

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. Thông tin khác

Công ty đang sử dụng diện tích đất đặt tại 95 Phạm Hữu Chí, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh làm văn phòng giao dịch khách hàng, đây là diện tích đất do UBND Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (“Tổng Công ty”) quản lý. Hiện tại, Tổng Công ty và Công ty chưa thống nhất phương án cho thuê lại diện tích đất này và cơ sở hạ tầng trên đất.

Ngoài ra, diện tích đất đặt trụ sở công ty tại Số 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh được công ty sử dụng từ năm 2015 nhưng tới thời điểm hiện tại công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đất. Công ty đã gửi công văn số 5433/TH-TCHC ngày 30/08/2019 tới Sở Tài nguyên Môi trường TP. Hồ Chí Minh để được hướng dẫn các thủ tục cần thiết, tuy nhiên tới thời điểm lập báo cáo tài chính, công ty chưa nhận được phản hồi chính thức từ Sở.

28. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ		
	Doanh thu	114.853.786.494	116.663.636.819
	+ Phân phối nước sạch	84.432.226.579	75.950.657.764
	+ Giảm thất thoát nước	8.337.911.945	11.455.405.963
	+ Thay, gắn đồng hồ nước	21.738.375.038	27.074.277.713
	+ Tư vấn quản lý dự án	175.052.023	1.060.777.543
	+ Thi công công trình	170.220.909	1.122.517.836
	Thu nhập khác - Phí bảo vệ môi trường	198.272.794	185.522.818
	Mua vật tư ngành nước	11.881.045.852	4.923.693.680
	Chi phí bồi dưỡng chuyên môn	52.000.000	96.063.636

Công ty Cổ phần cấp nước Tân HòaSố 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt NamBáo cáo tài chính
năm kết thúc ngày 31/12/2019

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Mối quan hệ	Khoản mục	Phải thu/ (Phải trả) tại	
		31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tổng Công ty	Công ty mẹ		
	Phải thu khách hàng	34.957.978.762	43.192.397.092
Cấp nước	+ Phân phối nước sạch	6.399.491.430	4.442.713.092
Sài Gòn -	+ Giảm thất thoát nước	9.004.708.140	12.436.206.560
TNHH MTV	+ Thay, gắn đồng hồ nước	19.025.793.154	25.464.941.043
	+ Lắp đặt trụ cứu hỏa	159.482.391	159.482.391
	+ Tư vấn quản lý dự án	150.403.574	484.978.906
	+ Phí bảo vệ môi trường	218.100.073	204.075.100
	Mua vật tư ngành nước	(13.241.535.600)	(11.595.197.500)

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.945.604.926	2.000.797.864
Trong đó thu nhập của Giám đốc	530.401.120	433.202.233
Thu nhập của Ban Kiểm soát	431.710.776	381.593.891
Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	29.754.358	12.305.405
	2.407.070.060	2.394.697.160

30. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

31. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 21 tháng 02 năm 2020.

Trần Thị Cẩm Vân
Giám đốcNguyễn Thị Thanh Tuyền
Kê toán trưởngHoàng Thị Xuân Trang
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2020